

Trên người, *Valeriana officinalis* là một vị thuốc làm giảm hiện tượng “lo âu” “bồn chồn” cùng loại với những thuốc reserpine và phenothiazin. Người ta cho rằng toàn vị thuốc có tác dụng hiệp đồng của các chất: Tinh dầu riêng ít tác dụng, tác dụng dịu thần kinh chủ yếu là do các chất valepotriate.

E. Công dụng và liều dùng

Theo sự điều tra sâu tâm của Bùi Xuân Chương (*Dược học* 1974, 6, 18-19), thì dân tộc Mèo vùng núi cao lạnh đã biết sử dụng cây sì to chữa đau dạ dày do co thắt và an thần, động kinh, sốt cuồng nghĩa là tác dụng dịu thần kinh, chống co thắt như *Valeriana officinalis* bên châu Âu. Cho nên chúng ta có thể đặt vấn đề nghiên cứu sử dụng cây này theo những kinh nghiệm sử dụng đối với *Valeriana officinalis*.

Cây này được sử dụng làm thuốc chống co thắt, an toàn nhất là gân đây chữa những trường hợp bồn chồn, lo âu, dưới hình thức thuốc hầm 10% nước cất, hoặc dưới dạng thuốc bột (ngày uống 1-4g), cồn thuốc (ngày dùng 2-10g cồn 1/5 với cồn 60°), cao mềm 1-4g.

Chú thích: Ngoài cây sì to nói trên, tại vùng cao lạnh ẩm thấp nước ta còn thấy mọc hoang cây *nữ lang*-*Valeriana hardwickii* Wall cùng họ. Đây là một loại cỏ cao 1-1,5m, thân nhẵn, có lông ở đốt, và đôi khi ở phía dưới gốc. Lá ở gốc thường héo rụng, trước khi cây ra quả, lá trên thân thường kép lông chim với 3-5 lá chét, nguyên hay khía răng, không cuồng, lá chét ở đỉnh lớn hơn cả. Hoa nhỏ màu trắng mọc thành xim

Còn gọi là valerian.

Tên khoa học *Valeriana hardwickii* Wall. Cây có cao 1-1,5m, thân nhẵn, có lông ở đốt, lá kép lông chim với 3-5 lá chét, nguyên hay khía răng, không cuồng, lá chét ở đỉnh lớn hơn cả. Hoa nhỏ màu trắng mọc thành xim

Tên khoa học *Mimosa pudica* L.

Thuộc họ Trinh nữ *Mimosaceae*.

Tên xấu hổ do lá cây và cành cụp xuống khi có người đứng vào lá cây. Ta dùng toàn cây hoặc lá và rễ cây xấu hổ.



Hình 615. *Valeriana hardwickii*

dạng ngủ, quả bế dẹt. Hoa quả từ tháng 10 đến tháng 2, thường gặp mọc ven đường ở Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Tây Nguyên. Thân rễ dài 5cm, đường kính 6-12mm, nâu, với những rãnh ngang, và những buồm nổi ở quanh, đôi khi có những rễ con mọc lên, vết bẽ nâu lục nhạt, mùi có khi mạnh hơn mùi thân rễ *Valeriana officinalis*. Hiện cũng chưa thấy nghiên cứu khai thác ở nước ta. Tại Ấn Độ cây này được sử dụng làm chất thơm (Hình 615).

Ta có thể nghiên cứu dùng làm thuốc như cây sì to. A. Mô tả cây

Cây nhỏ mọc hoang loà xoà ở ven đường cái, thân có gai hình móc. Lá hai lần kép lông chim, nhưng cuồng phụ xếp như hình chân vịt, khẽ động vào lá cụp xuống. Cuồng chung gầy, mang nhiều lông, dài 4cm, cuồng phụ 2 đôi, có lông trắng cứng. Lá chét 15-20 đôi nhỏ, gân như không có cuồng.



Hình 616. Cây xấu hổ - *Mimosa pudica*

Hoa màu tím đỏ, tụ thành hình đầu trái xoan. Quả giáp dài 2cm, rộng 3mm, tụ thành hình ngôi sao, ở phần giữa các hạt quả hép lại, có lông cứng ở mép. Hạt gần như hình trái xoan, dài 2mm, rộng 1,5mm (Hình 616).

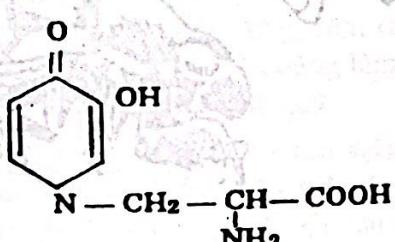
B. Phân bố, thu hái và chế biến

Mọc hoang ở khắp nơi trong nước ta, không thấy ai trồng. Người ta đào rễ vào quanh năm, rửa sạch đất cát, thái mỏng, phơi hay sấy khô.

C. Thành phần hóa học

Từ cây xấu hổ người ta đã lấy ra được một chất alcaloit gọi là mimosin $C_8H_{10}O_4N_2$.

Chất mimosin có độ chảy $231^\circ C$. $\alpha_D = -210^\circ$ (H_2O), cho muối đồng $C_8H_8O_4N_2Cu$.



Theo một số tác giả (R. Adams và J. Wibaut) thì mimosin là đồng phân lập thể của leucenol một chất lấy được từ hạt keo dậu *Leucaena glauca* (xem vị này). Tuy nhiên mimosin chưa phải là hoạt chất độc nhất.

Trong lá vào tháng 8, hàm lượng selen là 3.000 µg/g và giảm dần đến tháng 12 chỉ còn 300 µg/g.

Trong quả vào tháng 8, hàm lượng selen là 290 µg/g và sau đó tăng dần tới 1.560 µg/g trong tháng 12.

Và tác giả nhận xét rằng lá cây xấu hổ có hàm lượng selen rất cao vào mùa hè rồi giảm nhanh, trong khi đó hàm lượng selen trong quả lại tăng (Đàm Trung Bảo và cộng sự-1977, Hội nghị khoa học Trường Đại học dược khoa Hà nội, 1974-1977)

D. Tác dụng dược lý

Đàm Trung Bảo và cộng sự đã nghiên cứu một số tác dụng dược lý của cây xấu hổ:

Tác dụng ức chế thần kinh trung ương: Những kết quả nghiên cứu chứng minh kinh nghiệm trong nhân dân dùng cây xấu hổ chống mất ngủ: Hexobarbital và meprobamat chuyển hoá qua microsôm gan để mất tác dụng, bacbitan không chuyển hoá qua gan. Xấu hổ có tác dụng hiệp đồng với hexobarbital, meprobamat đồng thời tăng tác dụng của bibactal. Điều này khẳng định tác dụng ức chế thần kinh trung ương của xấu hổ. Tuy nhiên tác dụng hiệp đồng với babital không mạnh như khi kết hợp cây xấu hổ với meprobamat hay hexobarbital nên các tác giả cho rằng xấu hổ còn ức chế được microsôm gan nhờ xúc tác của xytocrôm P 450, có thể ở đây xấu hổ ức chế men hexobarbital hydroxylaza và menprobamat ω-I oxydaza nên kéo dài thêm giấc ngủ hexobarbital và meprobamat.

Tác dụng chấn kinh:

Xấu hổ có tác dụng làm chậm thời gian xuất hiện co giật của cacdiazol.

Tác dụng giảm đau:
Thí nghiệm theo 3 phương pháp: Mâm đồng ($56^\circ C$), phương pháp Collier (gây đau bằng axetylcolin) và phương pháp Nilson (kích thích điện) đều thấy có tác dụng rõ rệt.

Tác dụng của xấu hổ giải độc axit arsenic:
Uống xấu hổ cùng một lúc với axit arsenic thì xấu hổ cứu cho chuột khỏi chết do axit arsenic rất rõ rệt, nếu uống trước 24 giờ thì xấu hổ vẫn

cứu sống chuột khỏi chết vì axit asen. Các thí nghiệm đã chứng minh rằng khi dùng axit asen thì hàm lượng -SH giảm xuống, và khi dùng xấu hổ thì hàm lượng -SH tăng lên, hô hấp tế bào cũng tăng lên.

D. Công dụng và liều dùng

Chỉ mới thấy được dùng trong phạm vi nhân dân. Với những công dụng, dạng và liều dùng như sau:

1. Lá cây xấu hổ được dùng làm thuốc ngủ và dịu thần kinh.

Liều dùng hàng ngày 6-12g dưới dạng thuốc

sắc, uống trước khi đi ngủ.

2. Rễ cây xấu hổ được dùng chữa bệnh nhức xương.

Rễ cây xấu hổ, thái thành từng miếng mỏng phơi khô. Ngày dùng 120g rang sau đó tẩm rượu 35-40° rồi lại rang cho khô. Thêm 600ml nước, sắc còn 200-300ml. Chia số nước còn lại làm 2-3 lần uống trong ngày. Thường dùng 4-5 ngày thấy kết quả (kinh nghiệm nhân dân ở Diên Châu, Nghệ An và miền Nam Việt Nam).

Cần chú ý nghiên cứu thêm.

THUYỀN THUẾ 蝉蛻

Còn có tên là thuyền thoái, thiền thoái, thiền xác, thiền thuế.

Thuyền thuế là xác lột (*Periostracum cicadae*) của con ve sầu *Cryptotympana pustulata* Fabricius thuộc họ Ve sầu (*Cicadae*) khi đang lột xác, thiền=con ve, thuế=xác.

A. Mô tả

Con ve sầu là một loại sâu bọ có vỏ cứng, có đốt. Con đực giao cấu xong thì chết, con cái đẻ trứng ở dưới vỏ cây hoặc khe đá. Khi mới nở, chưa có cánh, sống ở dưới đất, sau khi lột xác, có cánh và sống ở trên cây (Hình 617).

B. Phân bố, thu hái và chế biến

Ve sầu có nhiều ở các vùng rừng núi, các thành phố, ở những nơi có cây to. Thu hoạch thuyền thoái vào mùa hè, trên cây to hoặc trên mặt đất. Có những nơi sau trận mưa to mùa hè, xác ve trên cây bị gió mưa làm rơi xuống, nước cuốn trôi theo dòng suối bị các cành lá cây giữ. Lấy rổ vớt hoặc nhặt lấy. Rửa sạch rác rưởi phơi khô. Mỗi kilogam phải có ước 6.000-7.000 xác ve.

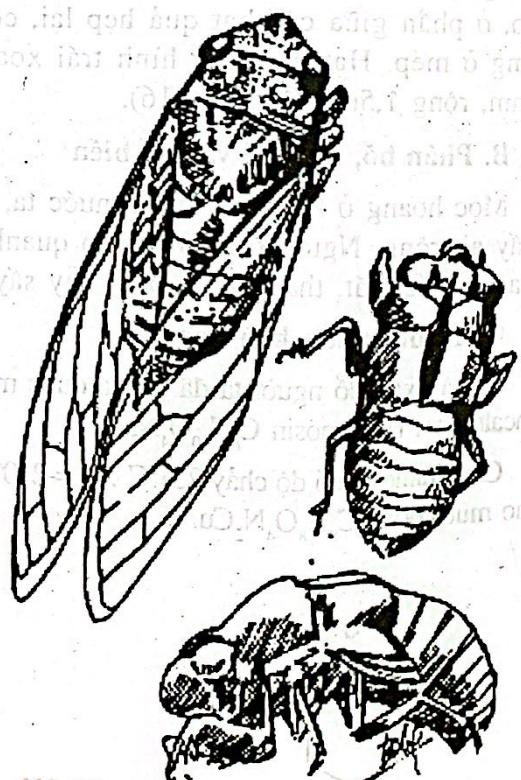
C. Thành phần hóa học

Hoạt chất chưa rõ. Chỉ mới biết trong xác ve có chất kitin.

Nghiên cứu xác ve bán ở Thượng Hải, người ta phân tích thấy có 7,86% nitơ, 14,57% tro.

D. Tác dụng dược lý

Chưa thấy có tài liệu nghiên cứu. Trong sách cổ, Hoàng Cung Tú nói: "Con ve là dư khí của cây



Hình 617. Thuyền thuế -
Cryptotympana pustulata và *Periostracum cicadae*